

Số: /KH-BCĐ

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (gọi tắt là Nghị quyết số 66-NQ/TW); Chương trình số 10-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW (gọi tắt là Ban Chỉ đạo); Quyết định số 382/QĐ-BCĐ ngày 05/02/2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Quyết định số 1366/QĐ-BCĐ ngày 07/5/2026 của Ban Chỉ đạo về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ban hành Kế hoạch Kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

a) Đánh giá toàn diện, thực chất việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW gắn với Chương trình số 10-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 03/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 07/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Kế hoạch số 35-KH/ĐU ngày 03/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật để kiến nghị giải pháp khắc phục.

c) Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong bối cảnh chuyển đổi số và cải cách hành chính.

## 2. Yêu cầu

a) Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.

b) Kết hợp kiểm tra hồ sơ với khảo sát thực tế, gắn kiểm tra với hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở.

c) Kết quả kiểm tra phải có kiến nghị cụ thể, khả thi.

## II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA

### 1. Nội dung kiểm tra

#### 1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết 66

- Việc ban hành kế hoạch, chương trình hành động.
- Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết.
- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

#### 1.2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Chất lượng tham mưu xây dựng văn bản, nhất là văn bản quy định chi tiết và các nội dung khác được giao.
- Việc kiểm soát quyền lực, phòng chống “lợi ích nhóm” trong xây dựng pháp luật.

- Công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

- Tiến độ xử lý văn bản chồng chéo, mâu thuẫn.

- Đánh giá mức độ “tháo gỡ điểm nghẽn” từ chính sách.

- Đánh giá chi phí tuân thủ pháp luật.

#### 1.3. Công tác tổ chức thi hành pháp luật

- Việc ban hành kế hoạch thi hành, theo dõi thi hành pháp luật.

- Tính kịp thời, thống nhất trong áp dụng pháp luật.

- Công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật.

- Mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân.

#### 1.4. Điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật

- Tổ chức bộ máy, nhân lực pháp chế.

- Kinh phí, cơ sở vật chất.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

### **1.5. Công tác đổi mới, sáng kiến**

- Mô hình hay, cách làm hiệu quả.
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số trong công tác pháp luật.
- Giải pháp nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

**2. Đối tượng kiểm tra:** Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

### **3. Mốc thời gian kiểm tra**

- Niên độ kiểm tra: từ ngày 01/7/2025 đến 30/6/2026.
- Thời gian kiểm tra: dự kiến quý III/2026 (*thời gian cụ thể sẽ thông báo sau*).

## **III. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA**

1. Trưởng ban Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW  
- Trưởng đoàn.

2. Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW - Phó Trưởng đoàn.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW - Thành viên.

4. Đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) - Thành viên.

## **IV. THÀNH PHẦN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA**

### **1. Cấp tỉnh**

Lãnh đạo Sở, ngành và lãnh đạo các phòng, công chức phụ trách pháp chế, đơn vị có liên quan thuộc Sở được kiểm tra.

### **2. Các xã, phường**

- Đại diện Thường trực HĐND.
- Đại diện Lãnh đạo UBND.
- Lãnh đạo Văn phòng UBND.
- Đại diện các phòng, ban có liên quan.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường: xây dựng báo cáo (theo các nội dung kiểm tra tại khoản 1 Mục II kế hoạch này) bằng văn bản gửi về Ban Chỉ đạo (qua Sở Tư pháp - Cơ quan Thường của Ban Chỉ đạo) **trước ngày 15/7/2026**.

2. Thời gian, đơn vị cụ thể được kiểm tra, giao Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo có thông báo chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra.

3. Kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra báo cáo kết quả kiểm tra gửi Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

4. Kinh phí thực hiện: sử dụng từ nguồn kinh phí theo quy định pháp luật.

Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường có liên quan chỉ đạo thực hiện nghiêm nội dung Kế hoạch này./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các thành viên BCĐ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các thành viên Tổ giúp việc BCĐ;
- Lưu: VT, TCDNC.

**TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Phạm Thành Ngại**